

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU (LEGAMEX)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018**



CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU (LEGAMEX)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018**

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 – DN)	6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B 02 – DN)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 03 – DN)	8
Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B 09 – DN)	9



CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU (LEGAMEX)

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	Số 0300734844 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 25 tháng 8 năm 2006 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 5 ngày 26 tháng 5 năm 2017.	
Hội đồng Quản trị	Ông Đoàn Văn Sơn	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 3 tháng 8 năm 2017)
	Ông Trần Cửu Long	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28 tháng 9 năm 2016)
	Bà Lê Thị Thu Hồng	(Miễn nhiệm ngày 28 tháng 12 năm 2018) Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28 tháng 9 năm 2016)
	Ông Nguyễn Việt Cường	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28 tháng 9 năm 2016)
	Ông Lê Hùng	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28 tháng 9 năm 2016)
	Ông Nguyễn Huy Tuấn	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28 tháng 9 năm 2016)
	Ông Phạm Nhật Vinh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2018)
Ban Kiểm soát	Bà Phan Thị Phương	Trưởng ban (Bổ nhiệm ngày 28 tháng 9 năm 2016)
	Ông Trần Văn Lý	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28 tháng 9 năm 2016)
	Ông Mai Thanh Tol	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28 tháng 9 năm 2016)
Ban Tổng Giám đốc	Ông Hoàng Tiến Đạt	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2017)
	Ông Nguyễn Hồ Thiện Nhân	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2018)
	Ông Phạm Nhật Vinh	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 6 tháng 2 năm 2018) (Miễn nhiệm ngày 4 tháng 1 năm 2019)
Người đại diện theo pháp luật	Ông Hoàng Tiến Đạt	Tổng Giám đốc
Trụ sở chính	15 Trường Sơn, Phường 15, Quận 10 Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH PwC (Việt Nam)	

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU (LEGAMEX)

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Giày da và May mặc Xuất khẩu (Legamex) ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi giả định đơn vị hoạt động liên tục là không phù hợp.

Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của báo cáo tài chính. Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận và các sai sót khác.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, tôi phê chuẩn báo cáo tài chính đính kèm từ trang 6 đến trang 33. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Hoàng Tiến Đạt
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 29 tháng 3 năm 2019



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU (LEGAMEX)

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Giày da và May mặc Xuất khẩu (Legamex) ("Công ty") được lập ngày 31 tháng 12 năm 2018 và được Tổng Giám đốc của Công ty phê duyệt ngày 29 tháng 3 năm 2019. Báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 9 đến trang 33.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính cho mục đích đặc biệt của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên, không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 29 của báo cáo tài chính, theo Biên bản thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh ("HĐ HTKD") ngày 9 tháng 6 năm 2015 và Phụ lục số 01 của Biên bản này ngày 11 tháng 5 năm 2017, hai đối tác của Công ty là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương ("OGC") và Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gia Định ("GDI") đã góp vốn vào Dự án Lega Fashion House ("Dự án") với số tiền tương ứng là 38.996.885.439 đồng và 5.635.596.481 đồng, và cũng đã trao quyền thực hiện Dự án và tìm kiếm đối tác mới thực hiện Dự án cho Công ty. Theo Phụ lục số 01 nói trên và biên bản làm việc ngày 4 tháng 8 năm 2018 và Biên bản họp số 12/BB-HĐQT ngày 7 tháng 11 năm 2018 giữa Công ty, GDI và OGC, khi Công ty ký hợp đồng hợp tác và nhận tiền góp vốn của đối tác mới, thì Công ty phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho OGC và GDI số tiền góp vốn nói trên. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc Công ty chưa tìm được đối tác mới thay thế OGC và GDI, và cũng chưa thể xác định được khi nào thì Công ty tìm được đối tác mới cũng như số tiền sẽ nhận được từ đối tác mới để hoàn trả cho OGC và GDI. Do đó, Công ty chưa ghi nhận bất kỳ khoản dự phòng chi phí nào vào báo cáo tài chính này cho nghĩa vụ hoàn trả OGC và GDI với tổng số tiền là 44.632.481.920 đồng.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Triệu Nguyên Duy
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
3022-2019-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Thái Văn Cường
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
3435-2017-006-1

Báo cáo kiểm toán số HCM8178
TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU (LEGAMEX)

Mẫu số B 01 – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2018 VND	2017 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		64.496.824.346	49.574.248.481
110	Tiền và các khoản tương đương tiền		7.558.974.854	10.852.654.458
111	Tiền	3	7.558.974.854	5.852.654.458
112	Các khoản tương đương tiền		-	5.000.000.000
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		5.000.000.000	7.000.000.000
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(a)	5.000.000.000	7.000.000.000
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		25.321.494.867	23.810.017.874
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	23.185.868.915	22.981.767.759
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	1.537.209.250	241.717.010
136	Phải thu ngắn hạn khác		816.869.158	585.004.478
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5	(219.981.083)	-
139	Tài sản thiếu chờ xử lý		1.528.627	1.528.627
140	Hàng tồn kho	7	25.788.226.808	7.656.089.848
141	Hàng tồn kho		39.155.394.048	19.521.720.601
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(13.367.167.240)	(11.865.630.753)
150	Tài sản ngắn hạn khác		828.127.817	255.486.301
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		738.551.277	202.702.745
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	12(a)	89.576.540	52.783.556
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		33.161.346.670	33.109.464.852
210	Các khoản phải thu dài hạn		59.679.000	55.947.656
216	Phải thu dài hạn khác		59.679.000	55.947.656
220	Tài sản cố định		5.923.105.557	6.311.878.612
221	Tài sản cố định hữu hình	8	5.923.105.557	6.311.878.612
222	Nguyên giá		84.202.565.454	89.272.731.025
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(78.279.459.897)	(82.960.852.413)
250	Đầu tư tài chính dài hạn		22.852.870.468	22.454.707.322
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4(b)	24.498.722.533	24.498.722.533
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	4(b)	(1.645.852.065)	(2.044.015.211)
260	Tài sản dài hạn khác		4.325.691.645	4.286.931.262
261	Chi phí trả trước dài hạn		158.227.917	354.475.715
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	9	3.979.685.976	3.744.481.795
268	Tài sản dài hạn khác		187.777.752	187.973.752
270	TỔNG TÀI SẢN		97.658.171.016	82.683.713.333

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 33 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU (LEGAMEX)

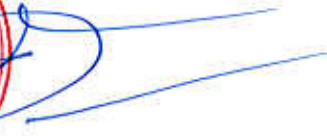
Mẫu số B 01 – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2018 VND	2017 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		43.069.295.982	36.225.181.520
310	Nợ ngắn hạn		24.759.967.880	18.727.547.574
311	Phải trả người bán ngắn hạn	10	7.435.689.898	2.187.441.878
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		263.189.132	270.102.283
313	Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước	11, 12	2.155.731.318	3.120.356.909
314	Phải trả người lao động		10.761.928.735	8.011.676.686
315	Chi phí phải trả ngắn hạn		665.066.583	929.770.161
319	Phải trả ngắn hạn khác	13	3.233.928.627	3.946.766.070
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		244.433.587	261.433.587
330	Nợ dài hạn		18.309.328.102	17.497.633.946
337	Phải trả dài hạn khác		327.000.000	525.500.000
342	Dự phòng phải trả dài hạn	14	17.982.328.102	16.972.133.946
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		54.588.875.034	46.458.531.813
410	Vốn chủ sở hữu		54.588.875.034	46.458.531.813
411	Vốn góp của chủ sở hữu	15, 16	74.000.000.000	74.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		74.000.000.000	74.000.000.000
414	Vốn khác của chủ sở hữu	16	4.003.156.282	4.003.156.282
418	Quỹ đầu tư phát triển	16	9.605.117.855	9.605.117.855
421	Lỗi sau thuế lũy kế	16	(33.019.399.103)	(41.149.742.324)
421a	- Lỗi sau thuế lũy kế của các năm trước		(41.149.742.324)	(38.181.955.075)
421b	- LNST chưa phân phối/ (lỗi sau thuế) của năm nay		8.130.343.221	(2.967.787.249)
440	TỔNG NGUỒN VỐN		97.658.171.016	82.683.713.333


Nguyễn Thị Lan Trà
Người lập


Lê Phan Hoàng Long
Kế toán trưởng


Hoàng Tiến Đạt
Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 3 năm 2019



Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 33 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU (LEGAMEX)


Mẫu số B 02 – DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2018 VND	2017 VND
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	106.917.849.508	91.381.160.104
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	(325.499.660)	(409.665.200)
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	106.592.349.848	90.971.494.904
11	Giá vốn hàng bán	(75.460.753.265)	(71.879.179.416)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	31.131.596.583	19.092.315.488
21	Doanh thu hoạt động tài chính	1.096.475.093	1.650.388.925
22	Chi phí tài chính	388.262.544	208.382.894
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	-	-
25	Chi phí bán hàng	(3.381.084.199)	(3.535.994.330)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(17.884.417.243)	(19.296.680.203)
30	Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	11.350.832.778	(1.881.587.226)
31	Thu nhập khác	1.291.774.285	74.116.743
32	Chi phí khác	(1.970.843.827)	(1.665.735.688)
40	Lỗ khác	(679.069.542)	(1.591.618.945)
50	Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	10.671.763.236	(3.473.206.171)
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	(2.776.624.196)	(202.262.514)
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	235.204.181	707.681.436
60	Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN	8.130.343.221	(2.967.787.249)
70	Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	1.099	(401)
71	Lãi/(lỗ) suy giảm trên cổ phiếu	1.099	(401)


 Nguyễn Thị Lan Trà
 Người lập


 Lê Phan Hoàng Long
 Kế toán trưởng


 Hoàng Tiến Đạt
 Tổng Giám đốc
 Ngày 29 tháng 3 năm 2019




Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 33 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2018 VND	2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	10.671.763.236	(3.473.206.171)
Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")	1.784.237.003	1.494.276.108
03	Các khoản dự phòng	2.333.548.580	3.023.342.207
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(2.897.146)	(3.632.186)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(1.092.935.503)	(1.915.408.268)
08	Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	13.693.716.170	(874.628.310)
09	Tăng các khoản phải thu	(1.599.811.387)	(13.915.393.713)
10	Tăng hàng tồn kho	(19.633.673.447)	(1.453.427.001)
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả	3.086.822.956	(529.947.745)
12	Tăng chi phí trả trước	(339.600.734)	(589.661.640)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	-	(909.640.327)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(4.792.546.442)	(18.272.698.736)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(1.459.429.834)	(1.716.837.800)
24	Thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	2.000.000.000	11.000.000.000
27	Thu lãi tiền gửi	1.010.537.026	1.131.751.635
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	1.551.107.192	10.414.913.835
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
36	Chi trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu	(55.137.500)	(28.255.000)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	(55.137.500)	(28.255.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(3.296.576.750)	(7.886.039.901)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	10.852.654.458	18.735.062.173
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	2.897.146	3.632.186
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	7.558.974.854	10.852.654.458


Nguyễn Thị Lan Trà
Người lập


Lê Phan Hoàng Long
Kế toán trưởng


Hoàng Tiến Đạt
Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 3 năm 2019



Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 33 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Giày da và May mặc Xuất khẩu (Legamex) ("Công ty") được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300734844 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 25 tháng 8 năm 2006 và thay đổi lần thứ 5 ngày 26 tháng 5 năm 2017.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất gia công may mặc, thương mại và hợp tác kinh doanh, khai thác mặt bằng.

Tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính này, Công ty có các đơn vị trực thuộc gồm: Khối sản xuất, và Trung tâm thời trang cùng tại 15 Trường Sơn, Phường 15, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có 553 cán bộ công nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 437 cán bộ công nhân viên).

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính kèm theo chỉ nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận ở nước CHXHCN Việt Nam, không thực hiện theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán của các thể chế ngoài nước CHXHCN Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và được trình bày trên báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "đồng").

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.4 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.5 Khoản phải thu khách hàng

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

2.6 Hàng tồn kho

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm chi phí sản xuất từ các hoạt động gia công tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở thực tế đích danh và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phải lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

2.7 Đầu tư

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được.

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Công ty nhận đầu tư bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ mà Công ty đã dự đoán từ khi đầu tư.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.8 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định được phân ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

Khấu hao

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm của các loại tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	4% - 5%
Máy móc thiết bị	10% - 14%
Phương tiện vận tải	14%
Thiết bị quản lý	14%

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.9 Thuê tài sản

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

2.11 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.12 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

2.13 Chi phí phải trả

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo.

2.14 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

2.15 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Công ty đã làm việc thường xuyên đủ 12 tháng trở lên được hưởng khoản trợ cấp thôi việc. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc.

Trợ cấp thôi việc của người lao động được trích trước cuối mỗi kỳ báo cáo theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc dựa trên mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến trước ngày lập bảng cân đối kế toán này.

Khoản trích trước này được sử dụng để trả một lần khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định hiện hành.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.16 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Vốn khác của chủ sở hữu: phản ánh giá trị các khoản vốn khác của chủ sở hữu tại thời điểm báo cáo.

Lỗ lũy kế: phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập của Công ty tại thời điểm báo cáo.

2.17 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng hàng hóa. Trường hợp Công ty dùng thành phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Công ty thì Công ty phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán.

(b) Doanh thu gia công

Doanh thu hoạt động gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi hàng hóa đã được gia công và đã được bên chủ hàng chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu về các khoản tiền gia công.

(c) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.17 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

(d) Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

(e) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

(f) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Công ty xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

2.18 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu kỳ phát sinh.

Các khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong năm, phát sinh sau ngày của bảng cân đối kế toán nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo.

2.19 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.20 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

2.21 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, chủ yếu bao gồm chi phí nhân viên, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí hoa hồng bán hàng, chi phí vật liệu bao bì, chi phí khấu hao và chi phí khác.

2.22 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty chủ yếu bao gồm chi phí nhân viên, chi phí thuê văn phòng, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí khấu hao và chi phí khác.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.23 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.24 Chia cổ tức

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông.

2.25 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Giám đốc Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU (LEGAMEX)

Mẫu số B 09 – DN

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	2018 VND	2017 VND
Tiền mặt	65.930.627	106.329.020
Tiền gửi ngân hàng	7.493.044.227	5.746.325.438
Các khoản tương đương tiền (*)	-	5.000.000.000
	<u>7.558.974.854</u>	<u>10.852.654.458</u>

(*) Đây là các khoản tiền gửi ngân hàng có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá 3 tháng và hưởng lãi suất 5,4% - 5,5%/năm (2017: 5,3%/năm).

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đây là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn còn lại trên 3 tháng và dưới mười hai tháng và hưởng lãi suất 6,2% - 7,5%/năm (2017: 6,5%-6,78%/năm).

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	2018			2017		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (*) VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (*) VND	Dự phòng VND
Ngân hàng						
Thương mại Cổ phần Việt Á	13.218.722.533	(*)	(1.645.852.065)	13.218.722.533	(*)	(2.044.015.211)
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Đầu tư Việt Nam	1.680.000.000	(*)	-	1.680.000.000	(*)	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gia Định	9.600.000.000	(*)	-	9.600.000.000	(*)	-
	<u>24.498.722.533</u>		<u>(1.645.852.065)</u>	<u>24.498.722.533</u>		<u>(2.044.015.211)</u>

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư trên, do chưa có đủ các thông tin cần thiết.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU (LEGAMEX)

Mẫu số B 09 – DN

6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	2018	2017
	VND	VND
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ IUK	1.479.026.250	-
Khác	58.183.000	241.717.010
	<u>1.537.209.250</u>	<u>241.717.010</u>

7 HÀNG TỒN KHO

	2018		2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Thành phẩm tồn kho	34.677.331.997	(9.509.843.311)	15.169.173.479	(9.033.196.162)
Nguyên vật liệu tồn kho	2.290.205.361	(1.814.201.573)	2.018.495.515	(936.549.990)
Hàng hóa	1.952.960.588	(1.680.230.505)	1.979.936.907	(1.709.483.772)
Công cụ, dụng cụ trong kho	147.453.483	(147.453.483)	150.081.493	(150.081.493)
Chi phí SXKD dở dang	57.543.769	-	163.051.028	-
Hàng gửi đi bán	29.898.850	(29.898.850)	40.982.179	(36.319.336)
	<u>39.155.394.048</u>	<u>(13.181.627.722)</u>	<u>19.521.720.601</u>	<u>(11.865.630.753)</u>

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 bao gồm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho 13.181.627.722 đồng và dự phòng giảm giá tài sản dài hạn khác 185.944.348 đồng.

Biến động về dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2018	2017
	VND	VND
Số dư đầu năm	11.865.630.753	7.584.830.120
Tăng dự phòng	1.501.536.487	4.280.800.633
Số dư cuối năm	<u>13.367.167.240</u>	<u>11.865.630.753</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY DA VÀ MÁY MẠC XUẤT KHẨU (LEGAMEX)

Mẫu số B 09 – DN

8 TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	56.996.248.373	27.259.010.449	2.150.891.266	2.866.580.937	89.272.731.025
Mua trong năm	358.209.834	1.101.220.000	-	-	1.459.429.834
Thanh lý, nhượng bán	-	(6.529.595.405)	-	-	(6.529.595.405)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	57.354.458.207	21.830.635.044	2.150.891.266	2.866.580.937	84.202.565.454
Khấu hao lũy kế					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	54.784.903.627	24.148.649.746	1.523.344.305	2.503.954.735	82.960.852.413
Khấu hao trong năm	596.196.450	952.321.522	165.533.323	70.185.708	1.784.237.003
Thanh lý, nhượng bán	-	(6.465.629.519)	-	-	(6.465.629.519)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	55.381.100.077	18.635.341.749	1.688.877.628	2.574.140.443	78.279.459.897
Giá trị còn lại					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	2.211.344.746	3.110.360.703	627.546.961	362.626.202	6.311.878.612
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	1.973.358.130	3.195.293.295	462.013.638	292.440.494	5.923.105.557

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình của Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 67.705.849.104 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 68.617.914.052 đồng).

9 TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và khi thuế thu nhập hoãn lại có liên quan đến cùng một cơ quan thuế. Số liệu về bù trừ như sau:

	2018 VND	2017 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi sau 12 tháng	3.979.685.976	3.744.481.795

Biến động gộp về thuế thu nhập hoãn lại được bù trừ các số dư liên quan đến cùng một cơ quan thuế trong năm như sau:

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	3.744.481.795	3.036.800.359
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Thuyết minh 25)	235.204.181	707.681.436
Số dư cuối năm	3.979.685.976	3.744.481.795

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại năm 2017 và 2018 là 20%.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên khả năng thu được thu nhập chịu thuế trong tương lai để cân trừ các khoản chênh lệch tạm thời đã phát sinh này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chủ yếu phát sinh từ trợ cấp thôi việc và dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

10 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	2018 Giá trị VND	2017 Giá trị VND
Bên thứ ba:		
- Công ty TNHH Triết Anh	2.775.300.000	-
- Công ty TNHH Thời trang Minh Trí Production	1.186.916.500	923.615.000
- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Liên kết Thời trang HP	918.548.400	-
- Khác	2.544.254.998	1.252.614.428
Bên liên quan (Thuyết minh 27(b))	10.670.000	11.212.450
	7.435.689.898	2.187.441.878

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU (LEGAMEX)

Mẫu số B 09 – DN

11 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU/PHẢI NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

	2018 VND	2017 VND
a) Phải thu		
Tiền thuê đất	89.576.540	-
	<u>89.576.540</u>	<u>-</u>
	2018 VND	2017 VND
b) Phải nộp		
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.287.226.937	1.642.743.822
Thuế TNDN	737.301.058	-
Thuế sử dụng đất	99.396.666	39.646.071
Tiền thuê đất	-	1.437.499.016
Thuế tài nguyên	468.000	468.000
Thuế thu nhập cá nhân	31.338.657	-
	<u>2.155.731.318</u>	<u>3.120.356.909</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU (LEGAMEX)

Mẫu số B 09 – DN

13 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	2018 VND	2017 VND
Cổ tức phải trả	1.273.408.000	1.328.545.500
Kinh phí công đoàn	696.502.936	658.694.156
Nhận ký quỹ ngắn hạn	507.325.000	897.655.000
Phải trả hợp đồng hợp tác kinh doanh	468.261.741	468.261.741
Tài sản thừa chờ xử lý	17.264.452	17.264.452
Khác	271.166.498	576.345.221
	<u>3.233.928.627</u>	<u>3.946.766.070</u>

14 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

	2018 VND	2017 VND
Dự phòng trợ cấp thôi việc	3.328.555.417	3.654.071.000
Dự phòng cho dự án Lega Fashion House (*)	14.653.772.685	13.318.062.946
	<u>17.982.328.102</u>	<u>16.972.133.946</u>

(*) Theo đề nghị của Công ty tại Văn bản số 106/2014/LG-DA ngày 18 tháng 6 năm 2014 về miễn tiền thuê đất đối với khu đất tại địa chỉ số 106 Đường 3 tháng 2, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh ("Dự án Lega Fashion House") và theo thông báo Tạm miễn tiền thuê đất số 13698/TB-CK-KTTĐ ngày 20 tháng 12 năm 2014 từ Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh cho lô đất nói trên, Công ty được tạm miễn tiền thuê đất trong giai đoạn xây dựng cơ bản từ tháng 3 năm 2014 đến tháng 9 năm 2017, với điều kiện sau khi công trình của Dự án Lega Fashion House được hoàn thành, bàn giao đưa vào khai thác Công ty phải xuất trình đầy đủ giấy tờ để Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh có căn cứ để ban hành Quyết định miễn tiền thuê đất. Tuy nhiên trong giai đoạn từ tháng 3 năm 2014 đến tháng 9 năm 2017, Công ty chưa thực hiện các hoạt động xây dựng cơ bản có liên quan đến Dự án Lega Fashion House. Ngoài ra, tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính này, Công ty cũng chưa nộp tiền thuê đất cho giai đoạn tạm miễn nêu trên. Do đó, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng tiền thuê đất cho Dự án Lega Fashion House giai đoạn từ tháng 3 năm 2014 đến tháng 12 năm 2017 với số tiền là 12.198.262.453 đồng và tiền chậm nộp tính từ ngày 1 tháng 3 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 1.119.800.493 đồng và từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 1.335.709.739 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU (LEGAMEX)

Mẫu số B 09 – DN

15 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

	2018	2017
	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đăng ký	7.400.000	7.400.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	7.400.000	7.400.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	<u>7.400.000</u>	<u>7.400.000</u>

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	2018		2017	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Công ty Cổ phần Dệt may Gia Định	3.774.000	51	3.774.000	51
Các cổ đông khác	3.626.000	49	3.626.000	49
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	<u>7.400.000</u>	<u>100</u>	<u>7.400.000</u>	<u>100</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU (LEGAMEX)

Mẫu số B 09 – DN

15 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	7.400.000	7.400.000	7.400.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	7.400.000	7.400.000	7.400.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	7.400.000	7.400.000	7.400.000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng trên một cổ phiếu.

16 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Lỗ lũy kế VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	74.000.000.000	4.003.156.282	(38.181.955.075)	9.605.117.855	49.426.319.062
Lỗ trong năm	-	-	(2.967.787.249)	-	(2.967.787.249)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	74.000.000.000	4.003.156.282	(41.149.742.324)	9.605.117.855	46.458.531.813
Lợi nhuận trong năm	-	-	8.130.343.221	-	8.130.343.221
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	74.000.000.000	4.003.156.282	(33.019.399.103)	9.605.117.855	54.588.875.034

17 LÃI/(LỖ) CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận/ (lỗ) thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ.

Lãi/(lỗ) suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho tổng của số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm trong năm.

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2018	31.12.2017
Lợi nhuận/(lỗ) thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	8.130.343.221	(2.967.787.249)
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	7.400.000	7.400.000
Lãi/(lỗ) cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	1.099	(401)
Lãi/(lỗ) suy giảm trên mỗi cổ phiếu (VND)	1.099	(401)

18 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

a) Ngoại tệ các loại

	2018	2017
Đô la Mỹ (USD)	1.818,44	5.553
Euro (EUR)	141,08	410
Đô la Singapore (SGD)	-	105
Francs Bỉ (BEF)	1.200	1.200

b) Tài sản thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang là 118.285.527.903 đồng và 123.562.972.402 đồng tương ứng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và 31 tháng 12 năm 2017 (Thuyết minh số 28).

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU (LEGAMEX)

Mẫu số B 09 – DN

19 DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2018 VND	2017 VND
Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công	71.081.343.500	50.706.035.000
Doanh thu bán hàng	21.812.796.390	21.048.715.311
Doanh thu cho thuê	9.983.402.164	13.336.162.882
Doanh thu khác	4.040.307.454	6.290.246.911
	<u>106.917.849.508</u>	<u>91.381.160.104</u>
Các khoản giảm trừ		
Chiết khấu thương mại	(322.405.460)	(285.994.630)
Hàng bán bị trả lại	(3.094.200)	(123.670.570)
	<u>(325.499.660)</u>	<u>(409.665.200)</u>
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ gia công	71.081.343.500	50.420.040.370
Doanh thu thuần bán hàng	21.487.296.730	20.925.044.741
Doanh thu thuần cho thuê	9.983.402.164	13.336.162.882
Doanh thu thuần khác	4.040.307.454	6.290.246.911
	<u>106.592.349.848</u>	<u>90.971.494.904</u>

20 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2018 VND	2017 VND
Giá vốn của dịch vụ gia công đã cung cấp	53.981.871.981	47.133.332.819
Giá vốn của hàng hóa đã bán	19.071.343.965	16.678.127.134
Giá vốn dịch vụ cho thuê	2.407.537.319	3.016.642.381
Hao hụt, mất mát tồn kho	-	4.280.800.633
Khác	-	770.276.449
	<u>75.460.753.265</u>	<u>71.879.179.416</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU (LEGAMEX)

Mẫu số B 09 – DN

21 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2018 VND	2017 VND
Lãi tiền gửi	1.092.935.503	940.008.068
Lãi thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	2.897.146	3.632.186
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	642.444	30.748.671
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	676.000.000
	<u>1.096.475.093</u>	<u>1.650.388.925</u>

22 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2018 VND	2017 VND
Chi phí nhân viên	1.535.930.328	1.796.130.123
Chi phí dịch vụ mua ngoài	326.017.636	186.019.092
Chi phí hoa hồng bán hàng	259.624.080	307.873.845
Chi phí vật liệu, bao bì	18.575.845	20.809.130
Chi phí khấu hao	6.027.620	72.331.440
Khác	1.234.908.690	1.152.830.700
	<u>3.381.084.199</u>	<u>3.535.994.330</u>

23 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2018 VND	2017 VND
Chi phí nhân viên	5.968.155.553	7.623.561.968
Chi phí thuê văn phòng	3.568.939.586	3.459.138.145
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.457.166.441	5.523.371.477
Chi phí khấu hao	699.856.404	948.552.932
Khác	2.190.299.259	1.742.055.681
	<u>17.884.417.243</u>	<u>19.296.680.203</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU (LEGAMEX)

Mẫu số B 09 – DN

24 LỖ KHÁC

	2018 VND	2017 VND
Thu nhập khác		
Tiền phạt hợp đồng thu được	604.620.096	-
Lãi do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	505.000.000	-
Khác	182.154.189	74.116.743
	<u>1.291.774.285</u>	<u>74.116.743</u>
Chi phí khác		
Chi phí liên quan đến dự án Lega Fashion House	1.335.709.739	1.564.904.493
Khác	635.134.088	100.831.195
	<u>1.970.843.827</u>	<u>1.665.735.688</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU (LEGAMEX)

Mẫu số B 09 – DN

25 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

	2018 VND	2017 VND
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	10.671.763.236	(3.473.206.171)
Thuế tính ở thuế suất 20%	2.399.023.532	(694.641.234)
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	-	(135.200.000)
Chi phí không được khấu trừ	377.600.664	324.422.312
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	<u>2.776.624.196</u>	<u>(505.418.922)</u>
Chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:		
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hiện hành	2.776.624.196	202.262.514
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hoãn lại (Thuyết minh 9)	<u>(235.204.181)</u>	<u>(707.681.436)</u>
	<u>2.541.420.015</u>	<u>(505.418.922)</u>
	2018 VND	2017 VND
Các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	-	-
Các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	<u>(235.204.181)</u>	<u>(707.681.436)</u>
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	<u>(235.204.181)</u>	<u>(707.681.436)</u>

(*) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU (LEGAMEX)

Mẫu số B 09 – DN

26 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2018 VND	2017 VND
Chi phí nhân viên	66.572.757.184	50.154.277.166
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.808.512.019	33.803.096.320
Chi phí khấu hao	1.784.237.003	1.494.276.108
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	39.990.360	843.908.406
Khác	3.206.002.378	8.416.295.949
	<u>97.411.498.944</u>	<u>94.711.853.949</u>

27 THUYẾT MINH CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty được kiểm soát bởi Công ty Cổ phần Dệt May Gia Định do chiếm 51% vốn điều lệ của Công ty.

(a) Giao dịch với các bên liên quan

	2018 VND	2017 VND
i) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Công ty Cổ phần Dệt may Gia Định	71.018.676.000	47.242.275.000
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh	62.667.500	3.463.760.000
	<u>71.081.343.500</u>	<u>50.706.035.000</u>
ii) Thuê hoạt động		
Công ty Cổ phần Dệt may Gia Định	399.000.000	-
iii) Mua dịch vụ		
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh	8.900.000	-
iv) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt		
Lương và các quyền lợi gộp khác	711.102.286	1.959.071.119

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU (LEGAMEX)

Mẫu số B 09 – DN

27 THUYẾT MINH CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	2018 VND	2017 VND
i) Phải thu ngắn hạn (Thuyết minh 5)		
Công ty Cổ phần Dệt may Gia Định	20.581.819.350	20.746.275.000
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh	68.934.250	-
Công ty Cổ phần Dệt may Gia Định - Phong Phú	9.767.192	9.767.192
	<u>20.660.520.792</u>	<u>20.756.042.192</u>
ii) Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 10)		
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh	9.790.000	-
Công ty Cổ phần Dệt may Gia Định - Phong Phú	880.000	880.000
Công ty Cổ phần Dệt may Gia Định	-	10.332.450
	<u>10.670.000</u>	<u>11.212.450</u>

28 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty phải trả mức tối thiểu cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang trong tương lai như sau:

Chi tiết cam kết thuê hoạt động liên quan đến các khu đất như sau:

	2018 VND	2017 VND
Dưới 1 năm	9.679.718.114	8.817.831.147
Từ 1 đến 5 năm	16.049.434.414	19.350.756.112
Trên 5 năm	92.556.375.375	95.394.385.143
	<u>118.285.527.903</u>	<u>123.562.972.402</u>

29 NỢ TIỀM TÀNG

Theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh "(HĐ HTKD)" số 004/2010/HTKD-LEGAMEX-GDI-DGC-OCEANBANK ký ngày 17 tháng 12 năm 2010 giữa Công ty và các bên gồm Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gia Định ("GDI") và Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương ("OGC") cho Dự án Lega Fashion House ("Dự án"), theo đó Công ty góp vốn bằng quyền sử dụng đất, GDI và OGC góp vốn bằng tiền.

Theo Biên bản thanh lý HĐ HTKD ngày 9 tháng 6 năm 2015 và Phụ lục số 01 của biên bản này ngày 11 tháng 5 năm 2016, các bên đã thống nhất chi phí đã phát sinh của các bên cho Dự án như sau: Công ty đã chi số tiền là 5.201.817.904 đồng, OGC là 38.996.885.439 đồng và GDI số tiền là 5.635.596.481 đồng. Bên cạnh đó, các bên tham gia HĐ HTKD của Dự án đồng ý trao quyền cho Công ty tìm kiếm và ký hợp đồng với đối tác mới. Theo đó, trên cơ sở ký hợp đồng hợp tác và nhận tiền góp vốn của đối tác mới, thì Công ty có nghĩa vụ phải hoàn trả OGC và GDI số tiền trên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2016, GDI có Công văn số 70/2016-GDI và ngày 19 tháng 12 năm 2016, OGC có Công văn số 341/2016/CV-PGC gửi cho Công ty có cùng nội dung yêu cầu các bên tham gia HĐ HTKD tiến hành cuộc họp nhằm hủy bỏ Biên bản thanh lý HĐ HTKD ngày 9 tháng 6 năm 2015 và Phụ lục số 01 của biên bản này ngày 11 tháng 5 năm 2016 nêu trên và đề nghị tiếp tục thực hiện HĐ HTKD.

Biên bản làm việc ngày 4 tháng 8 năm 2017 và Biên bản họp số 12/BB-HĐQT ngày 7 tháng 11 năm 2017 giữa Công ty, GDI và OGC, theo đó GDI và OGC xác nhận việc thoái vốn khỏi Dự án và trao quyền thực hiện dự án cho Công ty. Đến ngày phát hành của báo cáo tài chính này, Công ty vẫn đang tiến hành tìm kiếm Đối tác mới để thay thế OGC và GDI đối với HĐ HTKD cho Dự án.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc Công ty chưa tìm được đối tác mới thay thế OGC và GDI, cũng như đánh giá khả năng tìm kiếm đối tác mới phù hợp chưa được xác định, nên Công ty chưa thể xác định được một cách chắc chắn số tiền sẽ thu được từ đối tác để hoàn trả cho OGC và GDI, và theo đó Công ty không ghi nhận dự phòng nghĩa vụ hoàn trả cho OGC và GDI trên báo cáo tài chính này.

30 SỐ LIỆU SO SÁNH TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Một số khoản mục trên báo cáo tài chính của năm 2017 đã được phân loại lại để phù hợp với việc trình bày thuyết minh báo cáo tài chính năm 2018.

Báo cáo tài chính đã được Tổng Giám đốc phê chuẩn ngày 29 tháng 3 năm 2019.


Nguyễn Thị Lan Trà
Người lập


Lê Phan Hoàng Long
Kế toán trưởng


Hoàng Tiến Đạt
Tổng Giám đốc

